TÒA ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ BẾN TRE** **TỈNH BẾN TRE**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh P**

Bản án số: 180/2024/DS-ST.
Ngày: 19/9/2024.
V/v "*Tranh chấp hợp đồng vay tài sản*".

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ BẾN TRE, TỈNH BẾN TRE

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Trần Thành Ngọc.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Nguyễn Thị B Em.

2. Ông Trần Văn Hưng.

- *Thư ký phiên tòa*: Bà Bùi Thị Hoa Hạ – Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Bến Tre, tỉnh Bến Tre

Vào ngày 19 tháng 9 năm 2024, tại Trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Bến Tre, tỉnh Bến Tre xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 167/2024/TLST-DS về "Tranh chấp hợp đồng vay tài sản" ngày 20 tháng 5 năm 2024 của Toà án nhân dân thành phố Bến Tre, tỉnh Bến Tre theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 147/2024/QĐXXST-DS ngày 16 tháng 7 năm 2024, giữa các đương sự:

Nguyên đơn:

- Ông Lưu Hồng P, sinh năm 1959;

Địa chỉ: Số A, ấp B, xã Nhơn Thạnh, thành phố Bến Tre, tỉnh Bến Tre.

Bị đơn:

- Ông Nguyễn Văn B, sinh năm 1961.

Địa chỉ: Số B, ấp N, xã Nhơn Thạnh, thành phố Bến Tre, tỉnh Bến Tre.

Nguyên đơn xin vắng mặt, bị đơn vắng mặt không lý do.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, bản tự khai, các biên bản hoà giải, quá trình giải quyết vụ án và tại đơn yêu cầu giải quyết vắng mặt, ông Lưu Hồng P trình bày:

Do có quen biết với ông Nguyễn Văn B và hai bên có thóa thuận lập hợp đồng vay tiền, vay tài sản bằng tiền mặt. Vào các ngày như sau:

Ngày 05/6/2023: Hai bên có lập hợp đồng vay tài sàn bằng tiền mặt (bên cho vay là ông Lưu Hồng P, bên vay là ông Nguyễn Văn B), số tiền cho vay tại hợp đồng này là 100.000.000đồng. Thời gian vay là 06 tháng kể từ ngày ký hợp đồng. Mục đích vay lả sử dụng riêng của ông B, lãi suất tự thỏa thuận miệng 2%/tháng (không có ghi trong hợp đồng), trả lãi hàng tháng. Khi hết thời gian hợp đồng trả vốn 01 lần.

Hợp đồng vay tiền này được công chứng tại Văn phòng công chứng Nguyễn Văn Tứ, số công chứng 3795 quyển số 01/2023/TP/CC-SCC/HĐGD ký ngày 05/6/2023.

Ngày 26/10/2023: Hai bên có lập hợp đồng vay tài sản bằng tiền mặt (bên cho vay Lưu Hồng P, bên vay là Nguyễn Văn B). Số tiền cho vay tại hợp đồng này là 50.000.000đồng. Thời gian vay là 06 tháng kể từ ngày ký hợp đồng. Mục đích vay là sử dụng riêng của ông B, lãi suất tự thỏa thuận miệng 2%/tháng (không có ghi trong hợp đồng), trả lãi hàng tháng. Khi hết thời gian hợp đồng trả vốn 01 lần.

Hợp đồng vay tiền này được công chựng tại Văn phòng công chứng Nguyễn Văn Tứ, số công chứng 7521 quyển số 01/2023/TP/CC-SCC/HĐGD ký ngày 26/10/2023.

Ngày 20/01/2024: Hai bên cỏ lập hợp đồng vay tài sản bằng tiền mặt (bên cho vay Lưu Hồng P, bên vay là Nguyền Văn B). Số tiền cho vay tại hợp đồng này là 100.000.000đồng. Thời gian vay là 03 tháng kể từ ngày ký hợp đồng. Mục đích vay là sử dụng riêng của bên B, lãi suất tự thỏa thuận miệng 2%/tháng (không có ghi trong hợp đồng), trả lãi hàng tháng. Khi hết thời gian hợp đồng trả vốn 01 lần.

Hợp đồng vay tiền mặt này hai bên tự ký có điếm chỉ của bên vay và bên cho vay.

Từ thời gian vay của 03 hợp đồng trên. Do là người cùng địa phương có quen biết, ông B chưa thanh toán tiền lãi lần nào của ba hợp đồng trên cho ông P.

Nay đã quá thời hạn ghi trong hợp đồng phải trả tiền cho ông P nhưng ông B không thực hiện, ông P có nhiều lần yêu cầu nhưng không có kết quả.

Nay ông P khởi kiện yêu cầu Tòa án xem xét:

- Buộc ông Nguyễn Văn B trả cho ông P số tiền vốn và tiền lài tính đến ngày xét xử sơ thẩm của 03 hợp đồng ký vào các ngày 05/6/2023, 26/10/2023, 20/01/2024.

- Lãi tạm tính của 03 hợp đồng nói trên như sau:

Hợp đồng vay 100.000.000đồng tính từ ngày ngày 05/6/2023 đến ngày 05/5/2024 như sau: 100.000.000đồng X 2%/tháng X 11 tháng = 22.000.000đồng

- Hợp dồng vay 50.000.000 tính từ ngày ngày 26/10/2023 đến ngày 26/4/2024 như sau: 50.000.000đồng X 2% /tháng X 6 tháng = 6.000.000đồng.đồng

- Hợp đồng vay 100.000.000đồng tính từ ngày ngày 20/01/2024 đến ngày 20/4/2024 như sau: 100.000.000đồng X 2% /tháng X 4 tháng = 8.000.000đồng.

Cộng tiền lãi 03 hợp đồng với tổng số tiền 34.000.000đồng.

Tổng cộng số tiền mà ông Nguyễn Văn B phải trả cho ông là 284.000.000đồng.

Quá trình giải quyết vụ án, Toà án đã triệu tập theo đúng quy định pháp luật ông Nguyễn Văn B để tham gia phiên toà nhưng ông B vắng mặt không lý do nên không có lời trình bày.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về tố tụng:

Ông Lưu Hồng P khởi kiện yêu cầu ông Nguyễn Văn B có nghĩa vụ trả cho ông tiền số nợ gốc là 250.000.000đồng và nợ lãi phát sinh. Căn cứ vào các biên bản niêm yết tại nơi cư trú, các giấy mượn tiền ngày 05/6/2023, 26/10/2023, 20/01/2024thì có cơ sở xác định ông Nguyễn Văn B có nơi cư trú tại xã Nhơn Thạnh, thành phố Bến Tre, tỉnh Bến Tre. Toà án nhân dân thành phố Bến Tre căn cứ vào các Điều 26; Điều 35; Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự 2015 để thụ lý giải quyết vụ án là có cơ sở.

Tại phiên toà, nguyên đơn xin vắng mặt. bị đơn đã được Toà án triệu tập theo đúng quy định pháp luật nhưng vắng mặt không lý do nên Toà án nhân dân thành phố Bến Tre, tỉnh Bến Tre căn cứ vào các Điều 227; Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự 2015 tiến hành xét xử vắng mặt nguyên đơn, bị đơn là đúng quy định pháp luật.

Về các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, sau khi kết thúc phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hoà giải vào ngày 16/7/2024, Toà án nhân dân thành phố Bến Tre, tỉnh Bến Tre đã tống đạt theo đúng quy định pháp luật Thông báo về kết quả phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ số 01/TB-TA ngày 16/7/2024 cho ông Nguyễn Văn B nhưng đến thời điểm kết thúc phần thủ tục bắt đầu phiên toà không có đương sự nào có ý kiến phản đối các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án nên Hội đồng xét xử căn cứ vào Điều 91 Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015 dể xét xử vụ án theo các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án.

Về phạm vi giải quyết vụ án, Hội đồng xét xử xét thấy, vụ án không có yêu cầu phản tố của bị đơn nên căn cứ vào Điều 5 Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015 thì Toà án chỉ xem xét giải quyết trong phạm vi yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ngoài ra không xem xét, giải quyết nội dung nào khác.

Quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, các đương sự không yêu cầu Toà án xem xét áp dụng thời hiệu theo quy định tại Điều 149; Điều 150 Bộ luật Dân sự 2015 nên Toà án không xem xét về thời hiệu khi giải quyết vụ án.

[3] Về nội dung:

Ông Nguyễn Văn B căn cứ vào các giấy mượn tiền ngày 05/6/2023, 26/10/2023, 20/01/2024 để yêu cầu ông Phước có nghĩa vụ trả cho ông P số tiền nợ gốc là 250.000.000đồng và nợ lãi phát sinh.

Hội đồng xét xử nhận thấy, quá trình giải quyết vụ án, Toà án nhân dân thành phố Bến Tre, tỉnh Bến Tre đã tống đạt bản photo các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án do nguyên đơn giao nộp cho ông B và đồng thời triệu tập ông B đến Toà án để có ý kiến về yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn nhưng ông B vẫn vắng mặt. Do đó, ông B đã tự từ bỏ quyền tự bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp của mình tại Tòa án. Toà án căn cứ theo quy định tại khoản 4 Điều 91 Bộ luật Tố tụng dân sự 2015 và các tài liệu có trong hồ sơ vụ án để xét xử vụ án. Quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn đã giao nộp bản viết tay các giấy mượn tiền ngày 05/6/2023, 26/10/2023, 20/01/2024và không yêu cầu Toà án tiến hành giám định chữ ký, chữ viết có trong các biên nhận tiền đã giao nộp cho Toà án.

Nội dung các giấy vay tiền này thể hiện ông B có vay của ông Phương số tiền 250.000.000đồng và thời hạn mỗi lần vay là 06 tháng và 03 tháng.

Hội đồng xét xử xét thấy, hợp đồng vay tiền không bắt buộc phải tuân thủ về hình thức nên kể từ khi các bên giao kết hợp đồng vay tiền thì hợp đồng phát sinh hiệu lực kể từ ngày ký kết.

Ông B không có ý kiến phản đối các tài liệu, chứng cứ mà nguyên đơn cung cấp nên có căn cứ để buộc B có nghĩa vụ trả nợ vay cho ông B số tiền gốc là 250.000.000đồng.

Đối với yêu cầu tính lãi của ông Phước, Hội đồng xét xử xét thấy nội dung các hợp đồng mượn tiền mà nguyên đơn cung cấp tuy có thoả thuận về thời hạn vay nhưng không thể hiện việc thoả thuận về việc tính lãi. Quá trình giải quyết vụ án không có tài liệu, chứng cứ nào chứng minh ông B có thực hiện việc trả lãi cho ông Phương. Nên Hội đồng xét xử căn cứ theo quy định tại Điều 466 Bộ Luật Dân sự năm 2015 xác định nghĩa vụ trả lãi của ông B từ thời điểm ký giấy mượn tiền như yêu cầu khởi kiện của ông Plà phù hợp quy định pháp luật.

Về lãi suất, Hội đồng xét xử xét thấy, các hợp đồng vay của nguyên đơn cung cấp không thể hiện lãi suất. Ông P không cung cấp được việc giữa ông P và ông B có thoả thuận lãi suất là 2%/tháng nên Hội đồng xét xử căn cứ vào Điều 357 và Điều 468 Bộ Luật Dân sự năm 2015 để xác định lãi suất của hợp đồng vay là 10%/năm. Từ đó căn cứ để buộc ông B trả lãi cho ông P số tiền lãi cụ thể như sau:

100.000.000đồng x lãi suất 0,83%/tháng x 15 tháng 14 ngày = 12.837.333đồng.

50.000.000đồng x lãi suất 0,83%/tháng x 10 tháng 21 ngày = 4.440.500đồng.

100.000.000đồng x lãi suất 0,83%/tháng x 08 tháng 29 ngày = 7.442.333đồng.

Tổng số tiền lãi mà ông B phải trả cho ông Phước là 24.720.166đồng.

Hội đồng xét xử chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của ông B đối với mức lãi suất 0,83%/tháng và không chấp nhận yêu cầu tính lãi với mức lãi suất 2%/tháng của ông P đối với ông B.

Do đó, tổng số tiền gốc và lãi mà ông Phước phải trả cho ông Phương là 274.720.166đồng.

[4]. Về án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch:

Do yêu cầu khởi kiện của ông P được chấp nhận một phần nên lẽ ra ông P phải chịu án phí đối với phần yêu cầu khởi kiện không được chấp nhận nhưng do ông P là người cao tuổi nên được miễn toàn bộ án phí.

Án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch, ông phải nộp được tính như sau 274.720.166đồng x 5% = 13.736.008đồng.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ các Điều 26, 35, 39, 91, 227, 228 Bộ luật Tố tụng dân sự 2015; các Điều 142, 280, 357 , 463, 466, 468 Bộ luật Dân sự 2015; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về án phí và lệ phí Tòa án, Tuyên xử:

1. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của ông Lưu Hồng P.

2. Buộc ông Nguyễn Văn B có nghĩa vụ trả cho ông Lưu Hồng P số tiền 274.720.166(Hai trăm bảy mươi bốn triệu bảy trăm hai mươi nghìn một trăm sáu mươi sáu)đồng. Trong đó, tiền nợ gốc là 250.000.000đồng, tiền nợ lãi là 24.720.166đồng.

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

3. Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Lưu Hồng P về việc buộc ông Nguyễn Văn B có nghĩa vụ trả cho ông P số tiền nợ lãi là 34.000.000đồng.

4. Án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch, ông Nguyễn Văn B phải nộp số tiền 13.736.008(Mười ba triệu bảy trăm ba mươi sáu nghìn không trăm lẻ tám)đồng.

Án phí dân sự sơ thẩm không giá ngạch ông Lưu Hồng P không phải nộp.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và Điều 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 (Mười lăm) ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt tại phiên tòa hoặc không có mặt khi tuyên án mà có lý do chính đáng thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được tống đạt hợp lệ.

Nơi nhận:
- VKSND TP Bến Tre.
- TAND tỉnh Bến Tre.
- Chi cục THADS TP Bến Tre.
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Trần Thành Ngọc

CÁC THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ **THẨM PHÁN CHỦ TỌA**

Trần Văn Hổ **Nguyễn Thị Trúc Giang** **Trần Thành Ngọc**